ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BA TRANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /TTr-UBND	*Ba Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung

Kính gửi: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ

xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD);

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng vùng huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 415/TB-UBND ngày 25/12/2024 về kết luận của đồng chí Phạm Giang Nam, Chủ tịch UBND huyện tại buổi họp thông qua phương án Quy hoạch chung xây dựng các xã Ba Trang và Ba Khâm;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND xã Ba Trang về việc thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 17/03/2025 về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến tham gia góp ý trong cuộc họp thông qua phương án quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035.

Ủy ban nhân dân xã Ba Trang kính trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ba Tơ thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung, với các nội dung sau:

I. Nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

a. Phạm vi khu vực lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới quản lý hành chính của xã Ba Trang, với tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp xã Phổ Cường và phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ.

- Phía Tây: giáp xã Ba Lế, xã Ba Bích, thị trấn Ba Tơ và xã Ba Cung, huyện Ba Tơ.

- Phía Nam: giáp huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Phía Bắc: giáp xã Ba Liên và xã Ba Khâm, huyện Ba Tơ.

b. Quy mô lập quy hoạch

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 14.756,98 ha.

3. Quan điểm mục tiêu lập quy hoạch

- Đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với sự chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế sang thương mại dịch vụ, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước;

- Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị;

- Kế thừa kết quả xây dựng nông thôn mới trong 10 năm giai đoạn 2010-2020. Khắc phục tồn tại hạn chế trong xây dựng nông thôn mới, kết hợp với các yêu cầu mới trong phát triển *(biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, KHCN và cách mạng công nghiệp 4.0)* nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu trong giai đoạn tới;

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Ba Tơ phục vụ cho sự phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới của huyện Ba Tơ cũng như của tỉnh Quảng Ngãi;

- Đảm bảo thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, *(có hướng đến chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu)* theo các quy định, quy chuẩn hiện hành. Phấn đấu xây dựng xã Ba Trang đạt chuẩn nông thôn mới, và đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu cho giai đoạn sau;

- Rà soát, cập nhật những nội dung thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Ba Trang;

- Định hướng không gian và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã, sử dụng đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả;

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó, chú trọng khai thác được lợi thế của khu vực;

- Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn, giữ vững an ninh trật tự xã hội, xây dựng nông thôn giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao; giảm dần khoảng cách chất lượng sống giữa thành thị và nông thôn;

- Là cơ sở pháp lý cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, các khu dân cư, các khu chức năng khác và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Stt	Hạng mục công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu
I	**Chỉ tiêu về sử dụng đất**	
1.1	Đất ở	25 m^2/người
1.2	Đất xây dựng công trình công cộng - dịch vụ	5 m^2/người
1.3	Cây xanh công cộng	2 m^2/người
II	**Các công trình công cộng, dịch vụ**	
2.1	Trụ sở UBND xã	≥1.000 m^2/công trình
2.2	Trung tâm văn hóa – thể thao xã	
-	Nhà văn hóa	Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu 300 m^2; 100 chỗ/công trình
-	Cụm công trình, sân bãi thể thao	5.000 m^2/cụm
-	Khu thể thao xã	Khu thể thao đa năng tối thiểu 1.200 m^2 *(chưa tính sân vận động)*
2.3	Y tế	
	Trạm y tế xã	≥500 m^2/trạm *(không có vườn thuốc);* ≥1.000 m^2/trạm *(có vườn thuốc)*
2.4	Bưu điện văn hóa xã	≥150 m^2/điểm
2.5	Chợ, cửa hàng dịch vụ	
-	Chợ xã	≥1.500 m^2 *(đối với xã có quy hoạch chợ)*
-	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	≥300 m^2
2.6	Trụ sở Công an	≥1.000 m^2
2.7	Trường học	

Stt	Hạng mục công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu
-	Trường, điểm trường mầm non	50 học sinh/1000 dân; 12 m^2/cháu
-	Trường, điểm trường tiểu học	65 học sinh/1000 dân; 10 m^2/học sinh
-	Trường trung học cơ sở	55 học sinh/1000 dân; 10 m^2/học sinh
2.8	Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn	
-	Nhà văn hóa thôn	Diện tích đất nhà văn hóa thôn theo tiêu chuẩn: ≥200 m^2
-	Khu thể thao thôn	Diện tích khu thể thao thôn: ≥300 m^2/điểm *(Các công trình thể thao có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn thôn).*
III	**Hạ tầng kỹ thuật**	
3.1	Chỉ tiêu giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5 m^2/người
3.2	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	≥60lít/người/ngày đêm
3.3	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: tối thiểu 150 W/người.
3.4	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	0,8 kg/người/ng.đêm.
3.5	Nghĩa trang	Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1000 người.

5. Các dự báo phát triển

5.1. Dự báo dân số và lao động đến năm 2025 và 2035

- Dân số hiện trạng 2.539 người. Dự báo dân số đến năm 2025 khoảng 2.618 người, tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn năm 2021-2025 là 1,03% trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên là 0,93%. Dự báo dân số năm 2035 khoảng 2.884 người, tỷ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn năm 2025-2035 là 0,97% trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên là 0,85%.

- Dự báo tổng nguồn lao động toàn xã vào năm 2025 khoảng 1.571 người, dự báo số lao động có việc làm trong độ tuổi năm 2025 toàn xã là 1.257 người. Dự báo đến năm 2035 tổng nguồn lao động toàn xã khoảng 1.788 người, dự báo số lao động có việc làm trong độ tuổi năm 2035 toàn xã khoảng 1.466 người.

5.2. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo

- Động lực phát triển: Xã Ba Trang có một vị trí quan trọng trong vùng huyện Ba Tơ, là xã phía Đông của huyện Ba Tơ, có vị trí tiếp giáp huyện An Lão, tỉnh Bình Định; về vị trí địa lý xã Ba Trang có tuyến ĐT.627C (Quốc lộ 1 – Ba Tơ) đi qua nên rất tương đối thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa. Diện

tích đất nông nghiệp lớn, đặc biệt là diện tích đất lâm nghiệp, thuận lợi để phát triển vùng nguyên liệu gỗ phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản, đây là nội lực giúp xã Ba Trang phát triển mạnh về kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là kinh tế rừng trong giai đoạn đến; Diện tích rừng phòng hộ lớn thích hợp để trồng xen các loại cây dưới tán rừng phòng hộ.

Bên cạnh đó, tại thảo nguyên Bùi Hui xã Ba Trang địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu mát mẻ trong lành, cảnh quan thiên nhiên đẹp, đây là một lợi thế để đầu tư phát triển du lịch sinh thái, dã ngoại tạo nên sự phong phú cho các sản phẩm du lịch kết hợp bảo vệ, phát triển bền vững diện tích sim hiện có. Ngoài ra xã Ba Trang còn có vai trò đảm bảo an ninh quốc phòng trong khu vực.

- Dự báo giai đoạn nền kinh tế của xã phát triển theo hướng kinh tế thuần nông, nông lâm kết hợp. Về thị trường và định hướng giải quyết đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp chính trên địa bàn xã bao gồm thị trường nội địa trong và ngoài tỉnh vẫn sẽ là thị trường mục tiêu lớn mà xã hướng đến. Trong đó, tập trung chủ yếu cho thị trường các đô thị như TP. Quảng Ngãi, TP. Tam kỳ, TP. Đà Nẵng... thị trường các khu công nghiệp lân cận như Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Chu Lai... Đây là những phân khúc thị trường có khả năng chi tiêu cao do điều kiện kinh tế, thu nhập, mức sống của người dân cao hơn các địa phương khác trong khu vực.

6. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm xã: Khu trung tâm xã bao gồm hệ thống các công trình trụ sở UBND xã, trường học, y tế, an ninh, bưu chính - viễn thông, khu vui chơi giải trí và công viên cây xanh, khu dân cư tập trung.

- Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung: Ngoài các thôn, xóm hiện có quy hoạch các điểm dân cư mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi); sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

7. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

7.1. Định hướng tổ chức hệ thống, ranh giới, diện tích khu trung tâm xã

Khu trung tâm của xã thuộc thôn Kon Dóc, quy mô diện tích khoảng 20 ha, ranh giới được xác định: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp thuộc tổ Nước Tên; Phía Tây giáp đất nông nghiệp thuộc tổ Nước Tên; Phía Nam dọc theo sau trường mầm non xã Ba Trang và khu dân cư hiện hữu; Phía Bắc dọc theo sau trường PTDTBT TH&THCS xã Ba Trang và khu dân cư hiện hữu. Đây là khu vực trung tâm tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, bưu điện, trạm y tế xã, trường PTDBT TH&THCS xã Ba Trang, trường mầm non xã Ba Trang, trụ sở làm việc công an xã, quy hoạch mới đất thương mại dịch vụ, quy hoạch mới công viên cây xanh

trung tâm xã…

Bảng tổng hợp các công trình thuộc khu trung tâm xã:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (m^2)			Ghi chú
			Hiện trạng	2025	2035	
1	**Công trình hành chính**		**6.693**	**6.693**	**6.693**	
1.1	UBND xã Ba Trang	Thôn Kon Dóc	5.378	5.378	5.378	Giữ nguyên hiện trạng
1.2	Công an xã Ba Trang	Thôn Kon Dóc	1.315	1.315	1.315	Giữ nguyên hiện trạng
2	**Công trình giáo dục**		**13.709**	**16.491**	**16.491**	
2.1	Trường Mầm non trung tâm xã Ba Trang	Thôn Kon Dóc	1.534	3.648	3.648	Quy hoạch mở rộng diện tích
2.2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Ba Trang (Điểm trung tâm)	Thôn Kon Dóc	12.197	12.843	12.843	Quy hoạch mở rộng diện tích
3	**Công trình y tế**		**1.262**	**1.262**	**1.262**	
3.1	Trạm y tế xã Ba Trang	Thôn Kon Dóc	1.262	1.262	1.262	Giữ nguyên hiện trạng
4	**Bưu điện**		**430**	**430**	**430**	
4.1	Bưu điện xã Ba Trang	Thôn Kon Dóc	430	430	430	Chỉnh trang hiện trạng
5	**Đất Cây xanh, thể dục thể thao**		-	**1.000**	**1.000**	
5.1	Công viên – cây xanh trung tâm xã	Thôn Kon Dóc	-	1.000	1.000	Quy hoạch xây mới
6	**Đất xây dựng khu chức năng khác**		-	**8.750**	**8.750**	
6.1	Đất thương mại – dịch vụ (Vị trí 1)	Thôn Kon Dóc	-	8.750	8.750	Quy hoạch xây mới
Tổng (1+2+3+4+5+6)			**22.116**	**34.626**	**34.626**	

7.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

7.2.1. Trụ sở cơ quan hành chính, an ninh

- *Trụ sở UBND xã:* Trong giai đoạn quy hoạch 2021 – 2035: định hướng giữ nguyên hiện trạng trụ sở UBND xã với diện tích đất 5.378 m^2 tại tổ Nước Tên, thôn Kon Dóc.

- *Công trình an ninh - quốc phòng:*

+ Trụ sở Công an xã: đã được xây dựng mới tại vị trí phía Đông trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Ba Trang, điểm trung tâm tại thôn Kon Dóc với diện tích đất 1.315 m^2, định hướng giữ nguyên.

+ Công trình quốc phòng: trong kỳ quy hoạch định hướng quy hoạch thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự tại tổ Gò Già, thôn Kon Dóc với diện tích quy hoạch là 5.600 m^2.

7.2.2. Công trình giáo dục – đào tạo

a) Bậc mầm non: Trong giai đoạn 2021-2035:

- Trường Mầm non xã Ba Trang, điểm trung tâm tại thôn Kon Dóc: Quy hoạch mở rộng diện tích về phía Tây Nam trường hiện hữu thêm 2.114 m^2, nâng tổng diện tích sử dụng của trường lên 3.648 m^2. Phần diện tích này đã đủ để xây dựng trên 05 nhóm, lớp, đáp ứng nhu cầu của trường mầm non đến năm 2035 theo quy chuẩn hiện hành. Từng bước đầu tư trang thiết bị để đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học.

- Các điểm trường còn lại tại thôn Cây Muối, thôn Bùi Hui, thôn Nước Đang: định hướng giữ nguyên hiện trạng. Do đặc điểm khu vực quy hoạch là vùng miền núi, vùng cao, mật độ dân cư thấp, bán kính phục vụ tối đa của 01 điểm trường là 2.000m nên giai đoạn đến vẫn giữ nguyên các điểm trường lẻ.

- Đối với 03 điểm trường hiện nay không còn sử dụng tại thôn Kon Riêng, thôn Kon Dóc *(đã được điều chuyển cho UBND xã Ba Trang quản lý, sử dụng)* quy hoạch chuyển sang đất ở.

b) Bậc Tiểu học và Trung học cơ sở: Trong giai đoạn 2021 – 2035:

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở Ba Trang, điểm trung tâm tại thôn Kon Dóc: Mở rộng diện tích (lấy từ diện tích đất giao thông nối liền 02 trường) thêm 646 m^2, nâng tổng diện tích sử dụng của trường lên 12.843 m^2. Diện tích đủ đáp ứng cho nhu cầu đất giáo dục của xã đến năm 2035 theo quy chuẩn hiện hành. Từng bước đầu tư trang thiết bị để đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học.

- Các điểm trường còn lại tại thôn Cây Muối, thôn Bùi Hui, thôn Nước Đang: định hướng giữ nguyên hiện trạng. Do đặc điểm khu vực quy hoạch là vùng miền núi, vùng cao, mật độ dân cư thấp, bán kính phục vụ tối đa của 01 điểm trường là 2.000m nên giai đoạn đến vẫn giữ nguyên các điểm trường lẻ.

7.2.3. Công trình y tế

- Trạm Y tế xã: Giữ nguyên hiện trạng vị trí và diện tích đất là 1.262 m^2 tại thôn Kon Dóc. Diện tích đã đủ đáp ứng quy chuẩn hiện hành, giai đoạn đến cải tạo nâng cấp những hạng mục đã xuống cấp, xây dựng vườn thuốc nam theo quy định của Bộ Y tế và đầu tư các trang thiết bị phục vụ tốt cho việc khám chữa bệnh cho người dân.

7.2.4. Công trình văn hóa – thể dục, thể thao

a) Nhà văn hóa xã: công trình nhà văn hóa xã chất lượng công trình đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân, do vậy trong giai đoạn đến định hướng giữ nguyên hiện trạng.

b) Sân thể thao xã: định hướng giữ nguyên vị trí và diện tích sân thể thao xã với diện tích đất 5.000 m^2 tại thôn Kon Riêng. Giai đoạn đến, cần đầu tư cổng chính kết hợp tường rào và biển hiệu. Bố trí đầy đủ các phân khu chức năng như: sân bóng đá ngoài trời… để phục vụ công tác phát triển văn hóa, thể thao

và đời sống tinh thần của nhân dân.

c) Nhà văn hoá, sân thể thao thôn

- Nhà văn hóa thôn: Hiện nay trên địa bàn xã đã có 05 nhà văn hoá của 05 thôn phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho cộng đồng dân cư. Trong giai đoạn 2021-2035:

+ Thôn Kon Dóc: Giữ nguyên vị trí và diện tích nhà văn hóa thôn Kon Dóc với diện tích đất 1.010 m^2;

+ Thôn Kon Riêng: Giữ nguyên vị trí và diện tích nhà văn hóa thôn Kon Riêng với diện tích đất 1.654 m^2;

+ Thôn Cây Muối: Giữ nguyên hiện trạng nhà văn hóa thôn Cây Muối với diện tích đất 991 m^2 (giảm 108 m^2 do mở rộng đường);

+ Thôn Bùi Hui: Giữ nguyên vị trí và diện tích nhà văn hóa thôn Bùi Hui với diện tích đất 431 m^2;

+ Thôn Nước Đang: Giữ nguyên hiện trạng nhà văn hóa thôn Nước Đang với diện tích đất 2.797 m^2 (giảm 88 m^2 mở rộng đường).

- Sân thể thao thôn:

+ Giữ nguyên vị trí và diện tích sân thể thao thôn Kon Dóc, diện tích đất 3.354 m^2;

+ Giữ nguyên vị trí và diện tích sân thể thao thôn Bùi Hui, diện tích đất 4.576 m^2;

+ Giữ nguyên vị trí và diện tích sân thể thao thôn Nước Đang, diện tích đất là 5.419 m^2 (vị trí về phía Nam nhà văn hóa thôn Nước Đang);

+ Quy hoạch xây dựng mới sân thể thao thôn Cây Muối với diện tích quy hoạch 1.050 m^2.

7.2.5. Công trình phục vụ bưu chính

Bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí và diện tích trụ sở bưu điện văn hóa xã hiện có tại trung tâm xã, thôn Kon Dóc với diện tích đất là 430 m^2. Chỉnh trang trồng cây xanh cảnh quan, nâng cấp bưu điện về cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ internet cho người dân.

7.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trên địa bàn xã hiện nay không có chợ, người dân giao lưu hàng hóa chủ yếu ở chợ trung tâm huyện và nhiều điểm mua bán nhỏ lẻ nằm rải rác trên địa bàn toàn xã. Giai đoạn đến xã không quy hoạch xây dựng chợ (do dân cư còn thưa thớt, nhu cầu mua bán của nhân dân trong vùng không cao, không đảm bảo các tiêu chí về mật độ dân cư, quy mô theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012). Trong giai đoạn 2021-2035 tiếp tục phát triển các điểm, các cửa hàng dịch vụ trung tâm phục vụ nhu cầu giao thương hàng hóa của người dân mà không nhất thiết phải bố trí chợ.

7.2.7. Khu vui chơi, giải trí công cộng, đất cây xanh

- Quy hoạch xây dựng khu công viên - cây xanh trung tâm xã diện tích đất là 1.000 m^2 trên trục đường tỉnh ĐT.627C (vị trí về phía Tây hạt quản lý rừng, thôn Kon Dóc).

- Quy hoạch mới vị trí công viên cây xanh tại ngã 3 Đèo Riêng đi Sa Lung, thôn Kon Riêng với diện tích đất là 25.000 m^2.

Đồng thời, trong quá trình quy hoạch, xây dựng các công trình công cộng đều dành một phần đất nhất định trong khuôn viên và xung quanh công trình để trồng các loại cây xanh (cây gỗ bản địa) tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

7.2.8. Công trình tôn giáo, di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng

Trong giai đoạn 2021 – 2035: trên địa bàn quy hoạch điểm di tích Đặng Thùy Trâm với diện tích 1,51 ha tại thôn Nước Đang.

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, nghiên cứu mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ cho phát triển du lịch nông thôn trong giai đoạn đến.

7.3. Định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

* Dự báo nhu cầu đất ở mới: Trong giai đoạn quy hoạch 2021-2035, diện tích đất ở quy hoạch mới trên địa bàn xã đến năm 2035 là 20,36 ha *(bình quân 140 m^2/người)*. Mật độ xây dựng trong từng lô đất 70-80%, tầng cao từ 1-5 tầng.

(Chi tiết tại bản đồ Quy hoạch sử dụng đất)

7.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu vực phát triển du lịch.

7.4.1. Định hướng tổ chức các khu vực phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Quy hoạch quỹ đất phát triển thương mại dịch vụ: gồm 03 vị trí:

+ Vị trí 1: Quy hoạch quỹ đất phát triển thương mại dịch vụ trên trục ĐT.627C (vị trí về phía Tây quy hoạch điểm dân cư trung tâm xã thôn Kon Dóc với diện tích quy hoạch 8.750 m^2, vừa góp phần phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của người dân trong xã, vừa là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của khu trung tâm xã tạo ra bộ mặt khu trung tâm xã ngày một khang trang phát triển.

+ Vị trí 2: Quy hoạch quỹ đất phát triển thương mại dịch vụ trên trục đường xã *(từ tổ Làng Leo đi tổ Bùi Hui, thôn Bùi Hui)* với diện tích quy hoạch 3.800 m^2 (dự kiến bố trí bãi đỗ xe và điểm dịch vụ ăn uống gần khu dịch sinh thái Thảo nguyên Bùi Hui).

+ Vị trí 3: Quy hoạch quỹ đất thương mại dịch vụ (vị trí nằm gần khu dân cư tổ Bùi Hui) với diện tích quy hoạch 3.952 m^2 (dự kiến bố trí trụ sở hợp tác xã).

- Quy hoạch khu du lịch sinh thái thảo nguyên Bùi Hui, quy mô dự kiến 492 ha (trong đó diện tích thuộc ranh giới xã Ba Trang là 342 ha): Tổ chức cho du khách cắm trại qua đêm tại đồi sim, rừng ổi sẻ, đồi cỏ thảo nguyên tại Bùi Hui xã Ba Trang và tổ chức các hoạt động giao lưu tương tác giữ du khách với đồng bào H're địa phương.

- Quy hoạch điểm du lịch Đặng Thùy Trâm tại khu vực hồ Liệt Sơn, thôn Nước Đang, xã Ba Trang (quy mô dự kiến 54 ha). Đây là khu du lịch văn hóa nhằm tôn vinh gương bác sĩ, anh hùng, liệt sỹ Đặng Thùy Trâm kết hợp với phát triển du lịch.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch đặc biệt là hệ thống giao thông đến điểm du lịch thảo nguyên Bùi Hui. Bố trí bãi đỗ xe và các điểm dịch vụ ăn uống gần khu du lịch.

7.4.2. Định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung

- Tiếp tục duy trì các cơ sở sản xuất TTCN nhỏ lẻ hộ gia đình. Trên địa bàn xã trong giai đoạn lập quy hoạch không định hướng phát triển cụm công nghiệp, khu làng nghề.

7.4.3. Định hướng tổ chức các khu vực khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng

- Quy hoạch 01 mỏ đá tại Kon Riêng với diện tích 2,10 ha (vị trí này cập nhật theo QH tỉnh Quảng Ngãi) để khai thác đá làm vật liệu thông thường.

7.4.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

Tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của xã. Chú trọng công tác thủy lợi, phòng chống hạn, đảm bảo nước tưới cho cây trồng phát triển ổn định.

Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi như giống mới, kỹ thuật nuôi dưỡng, phòng trị bệnh trên đàn gia súc, gia cầm góp phần hạn chế thiệt hại, nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm ô nhiễm môi trường.

- *Vùng trồng lúa:* Tổng diện tích đất trồng lúa quy hoạch đến năm 2035 là 202,35 ha, chủ yếu là sản xuất lúa thường để đáp ứng nhu cầu lương thực cho nhân dân trong xã.

- *Vùng trồng cây hàng năm:* Tổng diện tích quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác quy hoạch đến năm 2035 là 33,32 ha với các loại cây trồng chủ lực như mỳ, ngô… rải rác trên địa bàn xã; Quy hoạch vùng trồng rau sạch diện tích 10,34 ha tại thôn Bùi Hui. Các loại rau trồng chính gồm: rau gia vị, bắp cải, súp lơ, rau rừng (rau Dớn)...

- *Vùng trồng cây lâu năm:* Tổng diện tích quy hoạch đất trồng cây lâu năm quy hoạch đến năm 2035 là 749,08 ha. Chủ yếu là cây keo, tập trung nhiều nhất

tại thôn Bùi Hui và thôn Cây Muối.

+ Cây sim Bùi Hui: Bảo vệ, phát triển bền vững diện tích sim hiện có tại xã; tạo sản phẩm hàng hóa, chứng nhận OCOP đối với sản phẩm sim Bùi Hui gắn với phát triển du lịch tại thảo nguyên Bùi Hui.

+ Cây ăn quả: Phát triển đa dạng các loại cây ăn quả, trong đó chú trọng ưu tiên phát triển một số loại có giá trị kinh tế cao có lợi thế như trồng mít, chuối mốc, có thể trồng xen dứa.

- Vùng trồng cây dược liệu: Trong giai đoạn đến xã phát triển vùng trồng dược liệu dưới tán rừng, diện tích định hướng 19 ha.

- *Vùng phát triển lâm nghiệp:* Trồng rừng là nhiệm vụ quan trọng vừa mang lại lợi ích kinh tế vừa góp phần tăng thu nhập cho người dân.

+ Rừng Phòng Hộ: Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ hiện có, kết hợp phát triển trồng cây dược liệu (Sa Nhân, Sâm Câu) và cây song mây dưới tán rừng nhằm góp phần tăng thu nhập cho người dân. Diện tích rừng phòng hộ đến năm 2035 là 6.323,97 ha.

+ Rừng Sản xuất: Quy hoạch sản xuất lâm nghiệp (trồng rừng kinh tế) sản xuất rừng kinh tế theo hướng trồng cây gỗ lớn đạt chứng chỉ FSC. Diện tích rừng sản xuất đến năm 2035 là 7.028,72 ha.

- *Chăn nuôi:* Trong giai đoạn quy hoạch 2021-2035: Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung kết hợp trồng trọt tại thôn Kon Dóc với diện tích 2,00 ha. Các đối tượng nuôi chủ lực là chăn nuôi heo cái sinh sản, trâu cái nội. Về ranh giới quy hoạch, khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư gần nhất là đảm bảo. Khu vực này nằm trên vùng gò đồi, cách xa vùng khu dân cư, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phòng chống dịch bệnh.

- *Nuôi thủy sản:* xã Ba Trang không có lợi thế về nuôi thủy sản quy mô lớn, do vậy giai đoạn đến tiếp tục duy trì diện tích ao nuôi thủy sản hiện có trên địa bàn xã, tận dụng phần diện tích hồ Liệt Sơn tại thôn Nước Đang, đối tượng nuôi chính là cá Trắm, cá Chép, cá Chình, cá Diêu Hồng, cá Rô Phi, phương thức nuôi lồng bè là chính. Kết hợp phát triển thủy sản trên lòng hồ Liệt Sơn.

7.5. Quy hoạch sử dụng đất.

Trên cơ sở Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ, tuy nhiên có 1 số chỉ tiêu sử dụng đất xã Ba Trang cập nhật theo quy hoạch chung của xã, quy hoạch tỉnh nên quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch chung xã đã được quy hoạch cụ thể như sau:

QUY MÔ DÂN SỐ (người)		**Hiện trạng**			**Quy hoạch đến năm 2025**			**Quy hoạch đến năm 2035**		
		2.539			**2.618**			**2.884**		
Stt	**Hạng mục sử dụng đất**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người**

QUY MÔ DÂN SỐ (người)		Hiện trạng			Quy hoạch đến năm 2025			Quy hoạch đến năm 2035		
		2.539			2.618			2.884		
Stt	**Hạng mục sử dụng đất**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**
1	**Đất nông nghiệp**	**14.411,05**	**97,60**		**14.392,76**	**97,47**		**14.338,76**	**97,11**	
1.1	Đất trồng lúa	189,44	1,28		203,42	1,38		202,35	1,37	
1.2	Đất trồng trọt khác	919,66	6,23		809,65	5,48		781,73	5,30	
1.3	Đất rừng sản xuất	6.941,03	47,01		7.047,02	47,72		7.028,58	47,60	
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.360,79	43,08		6.330,54	42,87		6.323,97	42,83	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	0,13			0,13			0,13		
1.6	Đất nông nghiệp khác				2,00	0,01		2,00	0,01	
2	**Đất xây dựng**	**247,29**	**1,67**		**266,64**	**1,81**		**320,68**	**2,17**	
2.1	Đất ở tại nông thôn	20,23	0,14	79,68	25,31	0,17	96,68	40,31	0,27	139,77
2.2	Đất công cộng	4,04	0,03	15,91	4,20	0,03	16,04	3,91	0,03	13,56
-	*Đất xây dựng trụ sở cơ quan*	*0,39*			*0,54*			*0,54*		
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*0,17*			*0,13*			*0,13*		
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*2,11*	*0,01*		*2,76*	*0,02*		*2,47*	*0,02*	
-	*Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin*	*0,04*			*0,04*			*0,04*		
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa xã*	*1,33*	*0,01*		*0,73*			*0,73*		
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao				1,84	0,01	7,03	4,55	0,03	15,78
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao*				*1,84*	*0,01*		*1,95*	*0,01*	
-	*Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*							*2,60*	*0,02*	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đền đình							1,51	0,01	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề									
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng							2,10	0,01	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,08			0,08			1,74	0,01	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	62,63	0,42		74,28	0,50		105,08	0,71	
-	*Đất công trình giao thông*	*60,63*	*0,41*	*238,79*	*72,28*	*0,49*	*276,09*	*78,61*	*0,53*	*272,57*
-	*Đất công trình xử lý chất thải*							*1,00*	*0,01*	
-	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*2,00*	*0,01*		*2,00*	*0,01*		*4,00*	*0,03*	
-	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác (công trình năng lượng)*							*21,47*	*0,15*	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (đất công trình thủy lợi)	160,31	1,09		160,80	1,09		160,79	1,09	
2.10	Đất quốc phòng, an				0,13			0,69		

QUY MÔ DÂN SỐ (người)		Hiện trạng			Quy hoạch đến năm 2025			Quy hoạch đến năm 2035		
		2.539			2.618			2.884		
Stt	**Hạng mục sử dụng đất**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**	**Diện tích (ha)**	**Tỷ lệ (%)**	**Chỉ tiêu (m^2/ người)**
	ninh									
-	*Đất quốc phòng*							*0,56*		
-	*Đất an ninh*				*0,13*			*0,13*		
3	**Đất khác**	**107,64**	**0,73**		**106,58**	**0,72**		**106,54**	**0,72**	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	88,19	0,60		88,14	0,60		88,10	0,60	
3.2	Đất chưa sử dụng	19,45	0,13		18,44	0,12		18,44	0,12	
TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH		**14.765,98**	**100**		**14.765,98**	**100**		**14.765,98**	**100**	

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, hạ tầng phục vụ sản xuất

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật

- Nền xây dựng

+ Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen ghép xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hướng xấu tới công trình liền kề, đảm bảo hài hòa với khu vực xung quanh và không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát chung của khu vực;

+ Đối với các khu dân cư nằm ven theo các trục đường hiện có: Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ khống chế nền hoàn thiện công trình lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ (0,3-0,5)m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước, độ dốc i > 0,004;

+ Một số khu vực dự kiến xây dựng mới, khu vực nằm trên nền thấp bị ảnh hưởng ngập úng giải pháp chính là tôn nền. Cao độ san nền đảm bảo cao hơn mực nước lũ lớn nhất hàng năm được đo tại các khu vực tối thiểu 0,3m.

+ Khu mới xây dựng ngoài quy định cốt nền xây dựng, cần rà soát lại cao độ nền thiết kế, cao độ đáy của các hệ thống cống phù hợp với hướng thoát, không gây ngập úng vào mùa mưa, đấu nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực.

- Giải pháp quy hoạch thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước kết hợp thoát nước riêng, thoát nước nửa riêng và thoát nước chung với hệ thống thoát nước thải tùy từng khu vực.

+ Đối với các tuyến cống ở khu vực trung tâm xã, khu đông dân cư sẽ sử dụng các tuyến mương, được thiết kế là loại mương có hình dạng mặt cắt chữ nhật, đậy nắp đan kết hợp mương xây hở nhằm bảo đảm cảnh quan và thẩm mỹ cho khu vực.

8.2. Quy hoạch hệ thống Giao thông

a) Định hướng:

- Tận dụng tối đa hệ thống giao thông hiện có để cải tạo nâng cấp, mở rộng phục vụ nhu cầu giao thông thông suốt các tháng trong năm. Hạn chế tối đa việc phá dỡ công trình giao thông hiện có, đồng thời tránh tác động ảnh hưởng đến các công trình công cộng, công trình văn hóa.

- Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của nhân dân; phục vụ sản xuất, liên hệ với hệ thống giao thông đối ngoại.

- Các tuyến đường huyện, đường liên xã, trục xã, thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (TCVN 4054-2005) và các tuyến đường xóm, ngõ xóm thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014), Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải và theo điều kiện thực tế của địa phương.

b) Hệ thống giao thông:

- Hệ thống giao thông đối ngoại:

+ Đường Quốc lộ 1 - Phổ Ninh – Ba Trang – Trung tâm huyện lỵ Ba Tơ thành đường tỉnh ĐT.627C (Quốc lộ 1 – Ba Tơ). Chiều dài tuyến khoảng 37km. Tuyến đường này phục vụ phát triển du lịch thảo nguyên Bùi Hui và kết nối với di tích Đặng Thùy Trâm ở huyện Đức Phổ. Theo định hướng quy hoạch giao thông vận tải cấp trên, quy hoạch giai đoạn 2026-2030 đạt tiêu chuẩn cấp III-IV miền núi với bề rộng nền đường Bn=9,0m; bề rộng mặt đường Bm=6,0-7,0m; bề rộng lề đường Bl=2,0-3,0m.

+ Tuyến đường Ba Trang – An Lão (Bình Định): thuộc tuyến đường liên xã kết nối liên huyện. Tổng chiều dài tuyến L=9,0Km, là một trong số các tuyến đường kết nối giao thương của huyện Ba Tơ với huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi với bề rộng nền đường Bn=7,5m; bề rộng mặt đường Bm=5,5m; bề rộng lề đường Bl=2×1m=2m. Quy hoạch giai đoạn 2031-2050 đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi. Theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thì đường Ba Trang - An Lão (Bình Định) được nâng cấp thành ĐT.627D (Ba Tơ - ranh tỉnh Bình Định).

+ Đường Ba Tơ đi thôn Cây Muối, xã Ba Trang: đường cấp VI miền núi với chiều dài khoảng 10km; điểm đầu giáp đường ĐT.627C (Quốc lộ 1 – Ba Tơ) tại Km14+232, điểm cuối tại thôn Cây Muối, xã Ba Trang (giáp ranh huyện An Lão, tỉnh Bình Định); mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước ngang, dọc và hệ thống an toàn giao thông theo quy hoạch, quy mô mặt cắt ngang 1-1, bề rộng nền đường B_n=6,0m; bề rộng mặt đường B_m=(3,5-5,5)m; bề rộng lề đường B_l=(0,5-2,5)m.

- Hệ thống giao thông đối nội:

+ Đường trục xã, liên xã: Giai đoạn 2021-2035: Phát triển trên cơ sở các đường trục xã và liên xã hiện trạng đảm bảo sự kết nối giữa các thôn và trung

tâm xã, liên khu vực và hệ thống giao thông đối ngoại. Tổng chiều dài đoạn qua xã khoảng 28,00km tương ứng với 05 tuyến đường. Định hướng kiên cố hóa 100% hệ thống đường xã với quy mô đường cấp V-VI miền núi (TCVN 4054:2005) hoặc cấp A (TCVN 10380:2014). Quy mô mặt cắt ngang Bn=(6,0-6,5)m.

+ Đường trục thôn, liên thôn: Giai đoạn 2021-2035: Phát triển trên cơ sở các đường trục thôn và đường thôn hiện trạng, với tổng 01 tuyến và chiều dài 4,00km. Điều chỉnh, mở rộng, cứng hóa mặt đường với kết cấu phù hợp, tổ chức thêm các tuyến trong khu dân cư tập trung mới. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp VI (TCVN 4054:2005) hoặc cấp A, cấp B (TCVN 10380:2014), quy mô mặt cắt ngang Bn=(5,0-6,0)m.

+ Đường ngõ, xóm: Giai đoạn 2021-2035: Cơ bản giữ nguyên hướng các tuyến đường thôn xóm hiện hữu. Phát triển trên cơ sở các đường ngõ, xóm hiện trạng với tổng 09 tuyến với chiều dài 8,85km. Nâng cấp mở rộng, cứng hóa mặt đường với kết cấu phù hợp, nâng cấp bê tông một số tuyến đã xuống cấp và mở rộng bê tông một số tuyến đường với chiều rộng nền đường chưa đạt tiêu chuẩn đường cấp C. Định hướng quy hoạch đạt đường cấp B, C (TCVN 10380:2014), quy mô mặt cắt ngang Bn=(3,0-5,0)m.

+ Đường trục chính nội đồng: Đáp ứng yêu cầu từ phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp, sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới nhẹ hoặc phương tiện giao thông thô sơ. Mở rộng và cứng hóa các tuyến nội đồng qua các khu vực sản xuất, trên cơ sở các đường hiện trạng. Định hướng quy hoạch đường trục chính nội đồng có chiều rộng nền đường tối thiểu 3,5 m và có chỗ tránh xe, đảm bảo xe cơ giới đi lại. Tổng chiều dài đường chính nội đồng theo quy hoạch là khoảng 5,55km với tổng 05 tuyến. Định hướng quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp C ((TCVN 10380:2014).

8.3. Quy hoạch cấp điện

- Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

- Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ điện lực Đức phổ cung cấp cho các trạm biến áp trên địa bàn xã qua đường trung thế 22KV.

- Lưới điện 22kV: Duy tu, cải tạo các tuyến đường dây 22kV hiện trạng. Đầu tư xây dựng mới các tuyến 22kV đi nổi, cung cấp điện cho các trạm hạ thế tại các khu dân cư tập trung mới và khu sản xuất đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân trong xã.

- Trạm hạ áp: Các trạm biến áp là loại ngoài trời (trạm treo hoặc trạm giàn): Vị trí trạm hạ áp đặt thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt, nhu cầu dùng điện trong xã khoảng 512 KVA, bố trí thêm các trạm hạ áp để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của xã, nâng cấp các trạm hiện tại và bổ sung các trạm biến áp mới ở các điểm dân cư mới, rút ngắn khoảng cách phục vụ các trạm trong bán kính phục

vụ khoảng 500m nhằm tiết kiệm điện năng và an toàn trong quá trình truyền dẫn điện; trạm điện hạ áp và lưới điện trung, cao, hạ áp trong khu vực dân cư phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ.

8.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Các công trình cấp nước hiện trạng định hướng cải tạo, nâng cấp phục vụ nhu cầu dùng nước của nhân dân.

- Đầu tư xây dựng mới:

+ Công trình nước sinh hoạt Nước Đang – Cây Muối: công suất 20 m^3/ng.đ, phục vụ cho khoảng 42 hộ (các hộ này thường xuyên thiếu nước sinh hoạt).

+ Nước sinh hoạt tổ Đèo Ải thôn Nước Đang: công suất 20 m^3/ng.đ, phục vụ cho khoảng 42 hộ.

8.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước kết hợp thoát nước riêng, thoát nước nửa riêng và thoát nước chung.

+ Tại khu trung tâm xã và khu tập trung đông dân cư: Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, nước thải đã xử lý qua bể tự hoại được xả vào hệ thống thoát nước thải và đưa về trạm xử lý tập trung; Bố trí 02 trạm xử lý nước thải tập trung: trạm số 1 được đặt ở thôn Cây Muối, có công suất khoảng 100 m^3/ng.đ; trạm số 2 được đặt ở khu vực thôn Bùi Hui, công suất 60 m^3/ng.đ.

- Chất thải rắn (CTR)

+ CTR từ hộ gia đình được phân loại, thu gom, xử lý như sau: chất thải hữu cơ xử lý bằng cách ủ cùng với phân gia súc trong đất vườn để làm phân bón cho nông nghiệp, chất thải vô cơ tập trung để mang đi xử lý tập trung;

+ CTR sinh hoạt các khu dân cư tập trung: tổ chức thu gom trên các trục đường giao thông, lắp đặt các thùng thu gom CTR trên các tuyến đường, các thùng thu gom CTR có nắp đậy để bảo đảm vệ sinh môi trường;

+ Đối với các khu dân cư phân tán tại các thôn tổ chức thu gom bằng các thùng rác công cộng, mỗi thôn 1 điểm tập trung CTR có khoảng cách ly vệ sinh ≥ 20m;

+ Do địa hình vùng núi cao, dân cư phân bố phân tán, phương tiện đi lại còn khó khăn, không thể thu gom và xử lý tập trung tại bãi xử lý rác thải của huyện. Do đó, trong giai đoạn 2021-2035, Quy hoạch bãi thu gom rác thải với diện tích 1,00 ha tại thôn Kon Dóc. Khi đi vào vận hành rác thải từ các điểm tập kết rác ở các khu dân cư sẽ được tập trung vận chuyển về bãi rác này.

- Nghĩa trang: Định hướng quy hoạch nghĩa trang nhân xã với diện tích 2,00 ha tại thôn Kon Dóc.

+ Từng bước khoanh vùng, đóng cửa tất cả các nghĩa trang nhỏ lẻ, mồ mả phân tán gần khu dân cư, tập trung mai táng tại các nghĩa trang quy hoạch, tổ chức trồng cây xanh xung quanh nhằm đảm bảo cảnh quan môi trường.

8.6. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất

- Hệ thống kênh mương:

+ Định hướng củng cố, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống kênh mương nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng tăng trên địa bàn, kiên cố hóa kênh mương kết hợp hệ thống kênh mương với xây dựng đường nội đồng đồng bộ phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển được thuận lợi. Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi cần kiên cố hóa khoảng 4,12 km.

Đập: Gia cố, nâng cấp các đập chứa nước đã xuống cấp kết hợp các mương tưới tiêu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng kết cấu thân đập, đảm bảo an toàn cho sản xuất và dân cư trong vùng.

- Hệ thống đê, kè: Trong giai đoạn 2026-2035: đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông. Cụ thể:

+ Kè chống sạt lở bờ Suối Tha, đoạn qua thôn Cây Muối, chiều dài 700m. Nhiệm vụ bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp (do mùa mưa bị sạt lở đất, bờ sông, xói mòn diện tích đất lúa).

+ Kè chống sạt lở Đèo Ải, đoạn qua thôn Nước Đang, chiều dài 500m. Nhiệm vụ bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư.

8.7. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

- Giải pháp về kỹ thuật:

+ Quy hoạch, xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn;

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh tại các khu dân cư, hướng đến đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy định;

+ Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi, công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản;

+ Sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất; đẩy nhanh tiến độ phủ kín đất đồi núi trọc.

- Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường:

Xây dựng các chính sách sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững. Kiểm soát lượng chất thải từ hoạt động tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Giám sát, bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên nước, hệ sinh thái rừng. Có kế hoạch phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường.

II. Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung

Nội dung Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 gồm: 04 Chương, 23 Điều.

Trên đây là các nội dung chủ yếu của Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Trang, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035. UBND xã Ba Trang kính đề nghị phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét thẩm định và trình UBND huyện Ba Tơ phê duyệt để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND huyện;
- HĐTĐ quy hoạch huyện;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BA TRANG H.BA TƠ T.QUẢNG NGÃI

Phạm Văn Thích